

《北京市东城区地名录》勘误表

页	行	误	正	页	行	误	正	页	行	误	正
11	9	Xiòng	Xiàng	52	7	Chǎodō	Chǎodòu	89		水磨胡同 19	水磨后巷 20
12	10	Xi xàng	Xi xiàng	54	3	Dǐnyín Hùtong	Dǐngyín Hútong	91	3	北沟沿	北河沿
27	4	Dnōggāofáng	Dōnggāofáng	56	9	Hébinglǐ	Hépínglǐ		6	钱粮胡同	钱粮北巷
27	7	Dōngzhèngjiāng	Dōngzhènjiāng	63	2	Dōngxiòng	Dōngxiàng	93	7	安外大巷五巷	安外大街五巷
29	3	Nándèjiē	Nándàjiē	65	5	Qīnlǎ	Qínlǎo	94	10	罗东胡同	罗车胡同
30	4	Běijiāngzhàn	Běijīngzhàn	158	11	Héng Jēi	Héng Jiē	98	4	嵩祝寺西巷	嵩祝院西巷
32	10	Běilímím	Běilímín	168	5	Qíámén	Qíánmén	120	5	黄土岗胡同	黄图岗胡同
36	4	Mínwàn	Mínwàng	177	7	Xīshǐjǐng	Xīshuǐjǐng	142	6	胡家营胡同	胡家园胡同
43	8	Dìxīngū	Dìxīngjū	50	4	——美术馆街	——美术馆街	127	5	利簿营胡同	利簿营胡同
44	4、5	xiàng	Xiàng	51	2	大、小佛寺	小大佛寺	163	10	利簿营胡同	利簿营胡同
49	5	Bàofán	Bàofáng	59	1	芬嘉园 ——胡同	芳嘉园 ——胡同				
49	7	Xīxiong	Xīxiàng	87	3	大沙帽大沙帽胡同	大纱帽大纱帽胡同				